

Chuyến VPH (lưu) go
biên cho báo cáo về sự
- 3 đề tài
- lên hồ sơ
Số 27 / 2014/QĐ-UBND

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Xoài, ngày 15 tháng 12 năm 2014

CÔNG AN ĐỀN
Số 39/08
Ngày 26 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;
- Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;
- Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;
- Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo

PHẦN 0

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2067/TTr-SNV ngày 10 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.NC-Ngv;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT. *gk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH *gk*



Nguyễn Văn Trầm

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua. Việc đăng ký danh hiệu thi đua phải thực hiện trước ngày 28 tháng 02 hàng năm (riêng ngành giáo dục và đào tạo thực hiện trước ngày 31 tháng 10 hàng năm).

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng và kịp thời.
2. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.
3. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.
4. Đối với cá nhân, trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
5. Trong một năm, không trình khen thưởng tổng kết năm vừa “Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, vừa danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho cùng một cá nhân.
6. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.
7. Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới:
 - a) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình công hiến được giảm 03 năm so với quy định chung;
 - b) Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.
8. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.
9. Khi bình xét khen thưởng từ Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 80% trở lên mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét, đề nghị khen thưởng. Riêng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và danh hiệu vinh dự Nhà nước kết quả bỏ phiếu kín phải đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó.
10. Thực hiện việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Website của Sở Nội vụ đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ khen thưởng đột xuất), trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo Quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) và những nội dung sau:

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của các phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến,

nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh; các đơn vị Trung ương và ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác cùng cấp để thực hiện các phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp từ tỉnh đến cơ sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những bất cập về chính sách khen thưởng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh có trách nhiệm thường xuyên, kịp thời tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về

thi đua, khen thưởng; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục để định hướng dư luận, lấy ý kiến nhân dân về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện, cổ vũ, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, góp phần hạn chế, đẩy lùi các mặt tiêu cực trong xã hội.

Chương II

DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; “Thôn văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, Chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, Chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Những trường hợp sau đây vẫn được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (có giấy xác nhận) thì năm đó được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

d) Đối với cá nhân chuyển công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả

công tác được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phụ vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Thường trực Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở là cơ quan (hoặc bộ phận) làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh..., UBND các huyện, thị xã.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó đem lại hiệu quả cao và có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

3. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Thường trực Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:



a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” (tức là cá nhân đó phải có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”);

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d Khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ Khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

3. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh gồm: các phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

c) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 15. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng:

Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác của tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Việc phân chia cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, số lượng cờ thi đua, mức tiền thưởng có quy định riêng.

Điều 16. “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho các tập thể sau:



a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Việc lựa chọn các tập thể đề đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện nhưng không quá 20% tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 17. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Danh hiệu “Gia đình văn hoá” ở xã, phường, thị trấn được xét tặng hàng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, Khen thưởng và theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 18. Danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa

Danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hoá được xét tặng hàng năm cho thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng và theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hình thức khen thưởng:

Hình thức khen thưởng, gồm

1. Cấp nhà nước:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng, “Huân chương Lao động” các hạng, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” các hạng, “Huân chương Chiến công” các hạng, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Huy chương: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” các hạng, “Huy chương Hữu nghị”;

c) Danh hiệu Vinh dự Nhà nước: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà

giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương: “Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương”, “Kỷ niệm chương”.

3. Cấp tỉnh: “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, “Huy hiệu”.

4. Cấp cơ sở: Giấy khen.

Điều 20. Các loại hình khen thưởng, gồm:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 21. Đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 22. “Giấy khen”

1. “Giấy khen” để tặng thưởng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên, chuyên đề hoặc đột xuất.

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm (khen thưởng tổng kết), hoặc ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình (khen thưởng chuyên đề) hoặc lập được thành tích đột xuất và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

2. Tiêu chuẩn để được xét tặng “Giấy khen”

a) Đối với cá nhân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Đối với tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Đối với hộ gia đình

Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội thì được Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND huyện, thị xã hoặc Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tặng giấy khen (tùy theo tình hình thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương để quy định mức đóng góp cho phù hợp).

Điều 23. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Khen thưởng đột xuất

“Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

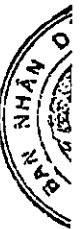
a) Việc khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức phát động phong trào thi đua, khen thưởng theo kế hoạch. Trường hợp chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh, do tỉnh phát động (có văn bản phát động phong trào thi đua) thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu tỉnh phát động lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, số lượng khen thưởng như sau:

- Thời gian thực hiện chuyên đề dưới 5 năm: không vượt quá 5 tập thể và 10 cá nhân;

- Thời gian thực hiện chuyên đề từ 5 - 10 năm: không vượt quá 7 tập thể và 15 cá nhân;

- Thời gian thực hiện chuyên đề trên 10 năm: không vượt quá 10 tập thể và 20 cá nhân;

- Trừ chuyên đề có tính chất từ thiện, nhân đạo, những chuyên đề cần đề nghị số lượng khen thưởng cao hơn thì cơ quan, đơn vị phải thống nhất với cơ



quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) về tiêu chuẩn khen thưởng, số lượng khen thưởng để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

b) Đối với kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, năm chẵn, năm tròn (10 năm, 20 năm, 30 năm...) hoặc tổng kết chi thi, quyết định, nghị quyết, luật, pháp lệnh hoặc đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội hoặc tổ chức các sự kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh (lễ hội, hội thao) thì số lượng đề nghị “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cũng không vượt quá 05 tập thể và 10 cá nhân;

c) “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức); đạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia; học sinh đậu thủ khoa kỳ thi tuyển sinh đại học; đạt giải nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh hoặc khen thưởng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của tỉnh;

d) Khi xét khen thưởng theo chuyên đề phải lưu ý:

- Hạn chế khen thưởng cho các cơ quan phối hợp, cho cá nhân lãnh đạo tham gia vào các Ban, các Hội đồng mà chủ yếu khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề;

- Trong một năm, nếu tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện nhiều chuyên đề khác nhau thì được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh không quá 1/3 tổng số chuyên đề mà tập thể và cá nhân đó thực hiện.

- Trong một năm, nếu tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề khác nhau thì cũng chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần duy nhất;

- Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có từ 1/2 thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

3. Khen thưởng tổng kết năm

a) Đối với cá nhân:

“Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận và áp dụng hiệu quả.

b) Đối với tập thể:

“Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo Cụm, Khối thi đua;

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Đối với hộ gia đình:

“Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 200 đến dưới 500 triệu đồng.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG



Điều 24. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Đối với tập thể:

a) Không đăng ký thi đua;

b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);

c) Những tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

d) Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn đạt loại yếu kém;

đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đến mức phải xử lý hình sự;

e) Trong năm, các đơn vị (trực tiếp sử dụng, quản lý) có công chức, viên chức sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại

Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc hướng dẫn, bổ sung Pháp lệnh Dân số (sau đây gọi tắt là Nghị định 20/2010/NĐ-CP);

g) Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị (đối với tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được tham gia xét khen thưởng).

2. Đối với cá nhân:

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc trên 40 ngày làm việc trở lên trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế);

b) Trường hợp có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;

c) Vi phạm bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng);

d) Trong năm, không xét thi đua đối với cá nhân sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP;

đ) Gây tai nạn giao thông lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức;

e) Để lộ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, khen thưởng thường xuyên (khen thưởng tổng kết năm)

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không quy định tỷ lệ nhưng để tránh cao bằng trong xét khen thưởng, các đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ và quỹ khen thưởng của đơn vị, địa phương để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị, địa phương cho phù hợp.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”: không quá 70% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

đ) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: không quá 15% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đối với các cơ quan, đơn vị không đủ số lượng để chọn theo tỷ lệ, thì được chọn tối đa 01 cá nhân nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng thường xuyên (khen tổng kết năm)

a) Giấy khen:

Do các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập để xét tặng giấy khen cho tập thể, cá nhân trong đơn vị cho phù hợp.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với cá nhân: Không quá 50% trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 23 của Quy định này;

- Đối với tập thể: Không quá 50% trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn quy định Điểm b, Khoản 3, Điều 23 của Quy định này.

3. Khi tính tỷ lệ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 1 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng;

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị.

3. Đối với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định sau:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân huyện, thị xã do Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Đối với tổ chức, cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng. Cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh không đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp khen thưởng cho các trường hợp thuộc huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý về tổ chức biên chế, quỹ lương (trừ khen thưởng chuyên đề hoặc đột xuất);

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng (các Ban Đảng trực thuộc Huyện ủy, Thị ủy), đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Đối với tổ chức công đoàn thực hiện theo quy định sau:

UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.



2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị.

3. Đối với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định sau:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân huyện, thị xã do Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Đối với tổ chức, cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng. Cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh không đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp khen thưởng cho các trường hợp thuộc huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý về tổ chức biên chế, quỹ lương (trừ khen thưởng chuyên đề hoặc đột xuất);

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng (các Ban Đảng trực thuộc Huyện ủy, Thị ủy), đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Đối với tổ chức công đoàn thực hiện theo quy định sau:

UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.



6. Đối với các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng tổng kết công tác năm, Chủ tịch UBND tỉnh không xét công nhận các danh hiệu thi đua về thành tích công tác năm cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị nêu trên, chỉ khen thưởng chuyên đề, đột xuất các phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho một số ít tập thể và cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

7. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh thì việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm được thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. UBND tỉnh không xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho các tập thể, cá nhân nói trên, chỉ xem xét khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất các phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho một số ít tập thể, cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc có nhiều đóng góp cho công tác quốc phòng, an ninh của tỉnh.

8. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ được thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và quy định của Bộ Quốc phòng.

9. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, phường, thị trấn thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an.

10. Đối với doanh nghiệp:

a) Các doanh nghiệp do UBND tỉnh quyết định thành lập do doanh nghiệp trình khen;

b) Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác có trụ sở đóng trên địa bàn (huyện, thị xã) nào thì địa phương đó trình khen; các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp thì do Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh trình khen.

11. Các tập thể, cá nhân thuộc các Bộ, ngành Trung ương, các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Tập đoàn kinh tế nếu có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã đó quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương (kể cả là người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

12. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động, thì khi trình các hình thức khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động và xác nhận không vi phạm về bảo vệ môi trường.

Điều 28. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt hồ sơ khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên và tham mưu UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với các trường hợp theo quy định của Tỉnh ủy và theo quy định tại Khoản 7, Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”.

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Hiệp y các trường hợp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, Giám đốc các doanh nghiệp khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh cho ý kiến về việc đề nghị khen cao (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

5. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện, thị xã thì kết thúc năm công tác, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức chấm



điểm, xếp hạng thi đua của cụm, khối và gửi kết quả về UBND các huyện, thị xã để làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 29. Thủ tục, hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Giao Sở Nội vụ căn cứ hướng dẫn của Trung ương để hướng dẫn cụ thể.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Đối với khen thưởng tổng kết công tác năm, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương (02 bản);

- Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (02 bản);

- Báo cáo tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân. Ngoài ra, đối với những danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định phải có sáng kiến hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thì gửi kèm bản photo chứng nhận sáng kiến hoặc chứng nhận đề tài khoa học hoặc quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương (01 bản);

b) Khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua của tỉnh, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua (02 bản);

- Biên bản họp cụm, khối thi đua có ghi kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua (02 bản).

c) Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương có tóm tắt thành tích đạt được trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản);

- Photo gửi kèm văn bản phát động phong trào thi đua của Trung ương hoặc của tỉnh, kế hoạch sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề của Trung ương hoặc của tỉnh hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Đối với khen thưởng đột xuất, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản).

đ) Khen thưởng thành tích đối ngoại, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có tóm tắt thành tích đóng góp cho ngành, địa phương, đơn vị (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản);

- Văn bản xin ý kiến của các cơ quan có liên quan (đối với một số trường hợp cần thiết).

Điều 30. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết năm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày dự kiến tổ chức hội nghị tổng kết ít nhất 07 ngày làm việc và trước ngày 31 tháng 3 năm sau. Hồ sơ gửi trễ so với thời gian quy định, UBND tỉnh sẽ không xem xét giải quyết và cơ quan, đơn vị nào đề nghị khen thưởng trễ thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 05 ngày làm việc, riêng khen thưởng đột xuất ít nhất 03 ngày làm việc (không tính thời gian trình UBND tỉnh xem xét, quyết định). Các đơn vị gửi hồ sơ trễ không kịp trao thưởng, Thủ trưởng đơn vị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: "Cờ thi đua của Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", Huân chương các loại, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo các đợt sau đây:

a) Đợt 1: Trình hồ sơ đề nghị tặng thưởng "Cờ thi đua của Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

b) Đợt 2: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trước ngày 31 tháng 3 hàng năm (đây là đợt khen chính trong năm).

c) Đợt 3: Trình hồ sơ đề nghị tặng thưởng "Cờ thi đua của Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

d) Đợt 4: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

Ngoài các đợt trên, hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tính từ tháng 06 đến trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 31. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Điều 32. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; Nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

2. Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất, đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời, đề động viên tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 34. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm huy hiệu Chiến sĩ thi đua, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huy hiệu chiến sĩ thi đua.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Thực hiện trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể như sau:

a) Chi phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối thi đua; chỉ chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng;

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến;

c) Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu hồ sơ khen thưởng, chỉ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và nội dung chương trình công tác của Hội đồng; chi bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở khi thực hiện những hoạt động phục vụ việc xét thi đua.

d) Chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp tỉnh, cấp huyện; tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, huyện, thị xã; hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước toàn quốc;

đ) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về khen thưởng chính sách ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

e) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua và lưu trữ hồ sơ, hiện vật khen thưởng.

Điều 35. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở



dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh và của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh. Đối với doanh nghiệp, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 11/7/2013 và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Riêng khen thưởng theo chuyên đề (đối với những chuyên đề do tỉnh phát động), khen thưởng đột xuất, khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua tỉnh thì chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn... do đơn vị chủ trì, tham mưu tổ chức dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

5. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật, trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn thì do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân đóng góp hỗ trợ cho tỉnh không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

7. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm,... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá ba lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

8. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

9. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

10. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 36. Mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng;

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 71, 72, 73, 75, 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trường khối, cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 38. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.



2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 39. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, 81 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thì lập thủ tục đề nghị UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ra quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm.

3. Nếu phát hiện cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật, bị tòa án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm làm thủ tục trình UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền tước Danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 40. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu UBND tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp

nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41.

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc các doanh nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định về công tác thi đua, khen thưởng để thực hiện.

Điều 42. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Điều 43 . Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm